

Bản án số: 1224/2019/HNGĐ-ST
Ngày 14-11-2019
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cửu Thị Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính
2. Bà Lại Thị Đắc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Cao Sơn – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 597/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: 494/15 đường T, tổ 5, khu phố 5, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Huy C, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 181/25 đường A, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 20 tháng 5 năm 2019 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Bà H và ông Nguyễn Huy C chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 96, quyền 01/2014 ngày 01/7/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên bà H và ông C đã quyết định sống ly thân hơn một năm nay. Hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, bản thân bà Nguyễn Thị Thanh H không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân này nữa. Bà H yêu cầu toà án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Huy C. Về con chung: không có. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 31 tháng 7 năm 2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án bị đơn là ông Nguyễn Huy C trình bày: Ông C và bà Nguyễn Thị Thanh H chung sống vợ chồng từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Mâu thuẫn gia đình phát sinh từ năm 2018 và sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông C xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H vì cả hai không còn chung quan điểm trong cuộc sống, thường bất hoà với nhau.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyền 01/2014 do Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2014 cho bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Huy C; Tòa án xác định đây là những tình tiết, sự kiện chứng cứ không phải chứng minh căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh H thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Nguyễn Huy C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét việc bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Huy C chung sống vợ chồng từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyền 01/2014 ngày 01/7/2014 nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Xét việc Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Huy C đến Tòa để hoà giải và làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông C và bà H nhưng ông C không đến. Chứng tỏ ông C thiếu thiện chí để hoà giải những mâu thuẫn của vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng; Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Tòa án xem xét giải quyết ly hôn.

[5] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H xin ly hôn với ông Nguyễn Huy C do bất đồng quan điểm, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau và không tìm được tiếng nói chung. Mặc dù cả hai đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành nên bà H và ông C đã quyết định sống ly thân hơn một năm nay. Tại bản tự khai của ông C ghi ngày 31/7/2019 ông C khai muốn ly hôn với bà Nguyễn Thị Thanh H. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để hai bên đoàn tụ nhưng bà H và ông C vẫn sống ly thân, bỏ mặc nhau. Xét thấy bà H và ông C không yêu thương, chăm sóc giúp đỡ, tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Xét về con chung: Bà H và ông C khai không có.

[7] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C khai không có nên Tòa án không xem xét.

[8] Xét về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thanh H xin ly hôn với ông Nguyễn Huy C.

2. Về con chung: Bà H và ông C khai không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông C khai không có nên Tòa án không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0019734 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- UBND P. 2 Q8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Cửu Thị Mẫn